

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày 15/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Sửu.
2. Bà Lò Thị Le.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Hà Văn Yên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên toà: Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu , tỉnh Sơn La xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2018/HSST ngày 29/01/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

LÒ VĂN Đ . Sinh năm 1976; HKTT: Bản B, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La . Trình độ văn hoá: 04/12; dân tộc: Thái; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Lò Văn N, sinh năm 1933 và con bà Lò Thị P (đã chết); bị cáo có vợ là Hoàng Thị T , sinh năm 1978, có 01 con sinh năm 2003. Hiện vợ con bị cáo trú tại bản B, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2017 cho đến nay có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963, trú tại: Tiểu khu A, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Sơn La. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết nhau từ trước, ngày 14/4/2015, Lò Văn Đ, trú tại bản B, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La cùng vợ là Hoàng Thị T đến nhà Nguyễn Văn B ở tiểu khu A, thị trấn C hỏi vay số tiền là 25.000.000đ để về mua phân bón phục vụ sản xuất , khi thoả thuận vay tiền vợ chồng Đ có tự nguyện thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn Đ cho Nguyễn Văn B , hạn đến tháng 11/2015 trả đủ gốc và lãi suất 2%/tháng. Hai bên cùng ký vào giấy vay tiền, riêng Hoàng Thị T là vợ Đ không biết chữ , nên Đ nói chỉ mình Đ ký là được . Đ và B mỗi người giữ một bản . Đến tháng 11/2015 Đ chưa trả cho B , mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần . Tính từ ngày vay cho đến tháng 12 năm 2015 số tiền cả gốc và lãi là 29.000.000đ, hai bên làm giấy lại với nhau, qua nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng Đ không trả nên đến tháng 10/2016 ông B làm đơn khởi kiện đến Toà án , tại phiên xét xử sơ thẩm vợ chồng Đ không có mặt, sau khi nhận được bản án Lò Văn Đ kháng cáo với nội dung đã trả cho B 22.000.000đ rồi, giờ chỉ còn nợ lại 7.000.000đ thôi, nên không nhất trí theo quyết định của bản án sơ thẩm . Tại phiên phúc thẩm Lò Văn Đ khẳng định việc trả cho B 22.000.000đ rồi và cùng yêu cầu giám định chữ viết trong giấy biên nhận . Sau khi có kết luận giám định xác định hành vi của Lò Văn Đ là hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền của B, vì vậy Toà án tỉnh Sơn La chuyển toàn bộ hồ sơ đến cơ quan Công an huyện Y, tỉnh Sơn La giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 26/10/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Sơn La ra quyết định trưng cầu số 145, trưng cầu giám định nội dung chữ viết, chữ ký tại các nội dung trên giấy biên nhận vay tiền trừ dòng chữ “Đ trả được 22.000.000đ còn nợ lại 7.000.000đ” là của ai? Nội dung nào Lò Văn Đ viết? Nội dung nào Nguyễn Văn B viết? Các nội dung trên có sửa chữa không? Nội dung nguyên thủy là gì?

Ngày 10/11/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có kết luận giám định số 588 kết luận: Chữ viết “Đ trả được 22.000.000đ còn nợ lại 7.000.000đ” và chữ viết “ Lò Văn Đ ” tại mục người vay tiền trong giấy biên nhận vay tiền do Lò Văn Đ cung cấp là chữ viết của Lò Văn Đ , nội dung còn lại là chữ viết của Nguyễn Văn B.

Vật chứng thu giữ khi bắt Lò Văn Đ : 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 050487298 mang tên Lò Văn Đ do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 27/02/2012.

Vật chứng do ông Nguyễn Đức B giao nộp: 01 bản (gốc) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V858613 mang tên Lò Văn Đ , do UBND huyện Yên Châu cấp ngày 03/8/2004.

Tại bản cáo trạng số : 15/CT-VKSYC ngày 29/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La truy tố Lò Văn Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 điều 140 BLHS năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận . Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại

phiên toà thấy rằng: Hành vi của Lò Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 điều 140 của Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 điều 140; điểm b, h khoản 1 điều 46, khoản 2 điều 46, điều 33, điều 42 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Lò Văn Đ mức án từ 05 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS 2015; Khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Đề nghị HĐXX tuyên trả cho Lò Văn Đ : 01 Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Lò Văn Đ, do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 27 tháng 02 năm 2012; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn Đ do UBND huyện Yên Châu cấp ngày 03/8/2004

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận của gia đình bị cáo và người bị hại về việc hoàn trả số tiền gốc, lãi phát sinh và khoản tiền phí giám định.

Bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà nhận tội và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có thỏa thuận vay tiền trước đó với ông Nguyễn Đức B, khi đến hạn trả nợ Lò Văn Đ đã không trả được và đã có hành vi gian dối ghi thêm vào giấy biên nhận thể hiện việc bị cáo đã trả số tiền 22.000.000đ cho ông B rồi, hiện chỉ còn nợ 7.000.000đ, mục đích để chiếm đoạt số tiền nêu trên của người bị hại. Hành vi của bị cáo Đ có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội: Lạm dụng tín

nhệm chiếm đoạt tài sản . Tôi phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội : Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về tính chất, mức độ hành vi:

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội , đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

- Về nhận thức:

Bị cáo biết hành vi của bị cáo bị chính gia đình các bị cáo lên án, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn, vì vậy phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh, tương xứng với hành vi của bị cáo, đồng thời đảm bảo được tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo Lò Văn Đ tỏ thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng , gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục cho gia đình người bị hại . Đây là các tình tiết được quy định tại điểm b, p, h khoản 1 điều 46 BLHS năm 1999. Gia đình bị cáo có bố đẻ Lò Văn No là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất . Vì vậy, bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14; khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội , cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo ; đối chiếu với các quy định pháp luật và xét đề nghị của đại diện VKS huyện Yên Châu là có căn cứ Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội i một thời gian nhất định mới giúp bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự : Người bị hại ông Nguyễn Văn B yêu cầu HĐXX buộc Lò Văn Đ phải trả đủ cho gia đình ông số tiền gốc là 29.000.000đ và lãi theo lãi xuất quá hạn của ngân hàng quy định , thời gian tính từ ngày 14 tháng 12 năm 2015 cho đến nay và số tiền mà gia đình ông đã bỏ ra để giám định chữ viết là 1.500.000đ

Căn cứ các Điều 584; 585; 589 BLDS năm 2015 và Điều 42 BLHS buộc Lò Văn Đ phải có trách nhiệm trả cho gia đình ông Nguyễn Văn B số tiền gốc $29.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 27 tháng = 5.872.500đ$. Tổng cộng cả gốc và lãi đến ngày xét xử là $34.872.500đ +$ số tiền giam định chữ viết $1.500.000đ$ mà ông B đã tạm nộp $= 36.372.500đ$, ngày 06/3/2018 Hoàng Thị T là vợ bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La số tiền $7.000.000đ$ để trả cho ông B. Vậy Lò Văn Đ còn phải thanh toán tiếp cho ông B số tiền là $29.372.500đ$. Tại phiên tòa xét xử hôm nay người bị hại và gia đình bị cáo Đ đã thỏa thuận thanh toán số tiền còn lại là $29.372.500đ$ bằng hình thức cho gia đình ông B được làm thầu mảnh nương có diện tích $4.505 m^2$ ở thửa số 17 tờ bản đồ 08/sđ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lò Văn Đ, thời gian 05 năm, tính từ năm 2018. Do đó ông B không yêu cầu gì thêm về phần dân sự, trước phiên tòa xét xử công khai ông Bày xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho Lò Văn Đ.

Về xử lý vật chứng của vụ án: áp dụng Điều 46 BLHS 2015; Điều 106 BLTTHS năm 2015: Tuyên trả cho bị cáo Lò Văn Đ 01 Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Lò Văn Đ, do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 27 tháng 02 năm 2012; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn Đ do UBND huyện Yên Châu cấp ngày 03/8/2004.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lò Văn Đ phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.
2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm p, b, h khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 42 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015.

Xử phạt Lò Văn Đ 05 (Năm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 11 năm 2017 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận của người bị hại và bị cáo tại phiên tòa. Bị cáo Lò Văn Đ phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Bày số tiền là $36.327.500đ$ (ba mươi sáu triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) trong đó: $29.372.500đ$ là bằng hình thức cho gia đình ông Nguyễn Văn Bày được làm thầu mảnh nương có diện tích $4.505 m^2$ ở thửa số 17 tờ bản đồ 08/sđ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lò Văn Đ thời gian 05 năm, tính từ tháng 3 năm 2018 đến 30/3/2023. Còn số

tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) do bà Hoàng Thị T (vợ bị cáo Đ) nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La nên ông Nguyễn Văn Bảy được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu theo biên lai thu tiền số : AB/2010/004403 ngày 06/3/2018.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 BLHS 2015; Khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Tuyên trả cho bị cáo Lò Văn Đ: 01 Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Lò Văn Đ, do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 27 tháng 02 năm 2012; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn Đ do UBND huyện Yên Châu cấp ngày 03/8/2004.

Hiện toàn bộ số vật chứng còn lại nêu trên đang được lưu giữ tại kho vật chứng của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Châu - Sơn La.

6. Về án phí : Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 231 và Điều 234 của Bộ Luật TTHS.

Án xử công khai , bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Công an huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- THAHS;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Án văn, Lưu HSVA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hương

